NHỮNG TỒN TẠI CHỦ YẾU CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM NHÌN TỪ KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nguyễn Quang Dong
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: dongnq@neu.edu.vn; dongnqneu@gmail.com

Ngày nhận: 06/7/2018
Ngày nhận bản sửa: 09/7/2018
Ngày duyệt đăng: 20/8/2018

Tóm tắt:
Hệ thống giáo dục đại học Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi từ hệ thống "Nhà nước kiểm soát" sang hệ thống "Nhà nước giám sát". Cùng với quá trình này, các trường đại học từng bước trở thành các trường đại học tự chủ. Tự chủ của các trường đại học gắn chặt với trách nhiệm giải trình. Cách thức, phương pháp thực hiện trách nhiệm giải trình là đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng giáo dục. Từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 5 năm 2018, cả nước có 117 trường đại học và học viện được kiểm chất lượng giáo dục.Bài viết này nhằm: (1) Khái quát lại kết quả kiểm định chất lượng giáo dục; (2) Đưa ra 3 nhược điểm chung nhất của các trường đại học; (3) Đưa ra những tồn tại và nguyên nhân ở 19 tiêu chí có từ 20% - 78% các trường đại học chưa đạt ở các tiêu chí này; (4) Đề xuất một số kiến nghị về công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với các bên có liên quan.

Từ khóa: Đánh giá ngoài, kiểm định chất lượng giáo dục, tiêu chuẩn, tiêu chí, chương trình đào tạo.

Major Weaknesses of Vietnam's Universities from Exploring Results of Education Accreditation

Abstract:
Vietnam's higher education system is in the process of transition from a state-controlled system to a state-supervised system. Along with this process, universities have gradually become autonomous universities. University autonomy is closely tied to accountability. The ways and methods of accountability are external evaluation and education accreditation. From January 2016 to May 2018, there are 117 universities and institutes that receive education accreditation. This article aims to: (i) Review the results of education accreditation; (ii) Present the three most common weaknesses of universities; (iii) Give the shortcomings and causes in 19 sub-criterions, from 20% to 78% of universities fail to meet these sub-criterions; (iv) Propose some recommendations on the education accreditation for related parties.

Keywords: External assessment, education accreditation, criterion, sub-criterion, curriculum.

1. Đặt vấn đề

Hệ thống giáo dục đại học Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi từ hệ thống "Nhà nước kiểm soát" sang hệ thống "Nhà nước giám sát". Việc chuyển đổi này dẫn đến mô hình quản trị đại học thay đổi cơ bản, tác động trực tiếp đến chất lượng giáo dục của các trường đại học và các học viện (sau đây gọi chung là trường đại học). Các trường đại học Việt Nam có những tồn tại gì? Đây là câu hỏi lớn, rất khó trả lời. Đứng trên quan điểm kiểm định chất lượng giáo dục, bài viết tìm ra những nhược điểm chung nhất; những tồn tồn tại chủ yếu và nguyên nhân của chúng trong quản trị của các trường đại học Việt Nam và cuối cùng là khuyến nghị các cơ quan có liên quan cần tiếp tục làm gì để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Cơ sở phương pháp luận

Quá trình kiểm định chất lượng giáo dục các trường đại học Việt Nam được thực hiện theo Bộ tiêu chuẩn gồm 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012 và 2014) và được thực hiện từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 5 năm 2018. Bốn trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của Việt Nam đã đánh giá ngoài 122 trường đại học. Trong đó, 117 trường đại học đã được các hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục ban hành nghị quyết công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Có 5 trường đại học, sau khi được đánh giá ngoài, đã xin lùi thời gian kiểm định sang các năm sau, không thực hiện tiếp các khâu kiểm định.

Trên cơ sở nghiên cứu 117 nghị quyết của 4 hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, và nghiên cứu 37 Báo cáo đánh giá ngoài, tác giả đã mã hóa thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu, phân tích dữ liệu bằng phần mềm SPSS và EXCEL.

Theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định, một trường đại học sẽ không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục khi có 13 tiêu chí trở lên trong tổng số 61 tiêu chí chưa đạt (13/61 = 21,3%); mỗi tiêu chí có từ 2 đến 6 mốc chuẩn, nếu có một mốc không đạt thì tiêu chí được đánh giá là "chưa đạt". Tác giả sẽ phân tích sâu các tiêu chí có trên 20% các trường đại học chưa đạt. Tác giả tính tỷ lệ phần trăm số tiêu chí trung bình chưa đạt theo từng tiêu chuẩn; phân tích sâu ba tiêu chuẩn có tỷ lệ phần trăm số tiêu chí trung bình chưa đạt lớn nhất, coi đây là những nhược điểm chung nhất của các trường đại học.

3. Những tồn tại chủ yếu của các trường đại học Việt Nam

Trong 117 trường đã được kiểm định chất lượng giáo dục có 15,4% là đại học tư thục, 6,8% thuộc ủy ban nhân dân các tỉnh quản lý và 77,8% các thuộc các bộ và các đại học quốc gia, đại học vùng. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục cho biết 117 trường đại học được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng, trong đó một trường có số tiêu chí "chưa đạt" ít nhất là 5/61 (8,1%) tiêu chí, 25 trường (21,36% số trường) có 12 tiêu chí "chưa đạt". 12 tiêu chí chưa đạt là con số tối đa để một trường được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Chỉ có một trường (0,9%) có 5 tiêu chí chưa đạt và một trường (0,9%) có 6 tiêu chí chưa đạt. Số tiêu chí trung bình chưa đạt của các trường đại học là 10 (16,4% số tiêu chí).

Hình 1: Số tiêu chí và tỷ lệ % các trường đại học chưa đạt

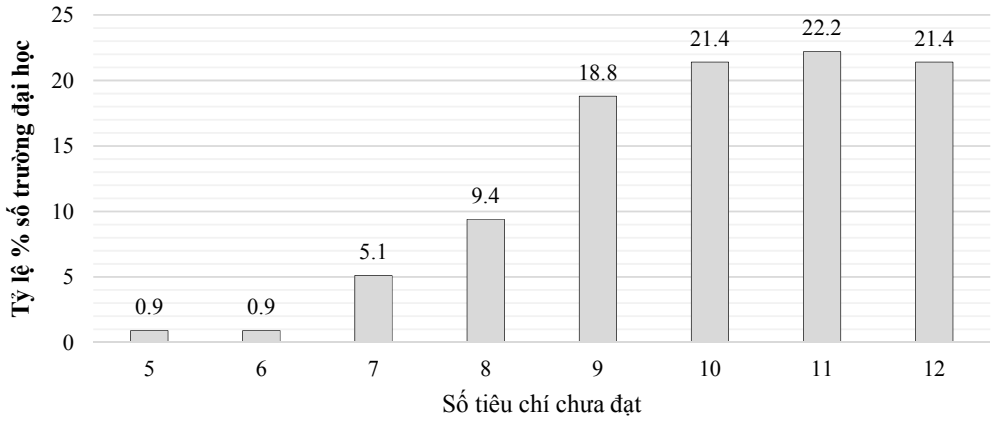

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả trên cơ sở dữ liệu được tác giả xây dựng từ 117 nghị quyết của các hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục.

Hình 2: Tiêu chuẩn và tỷ lệ phần trăm số tiêu chí chưa đạt

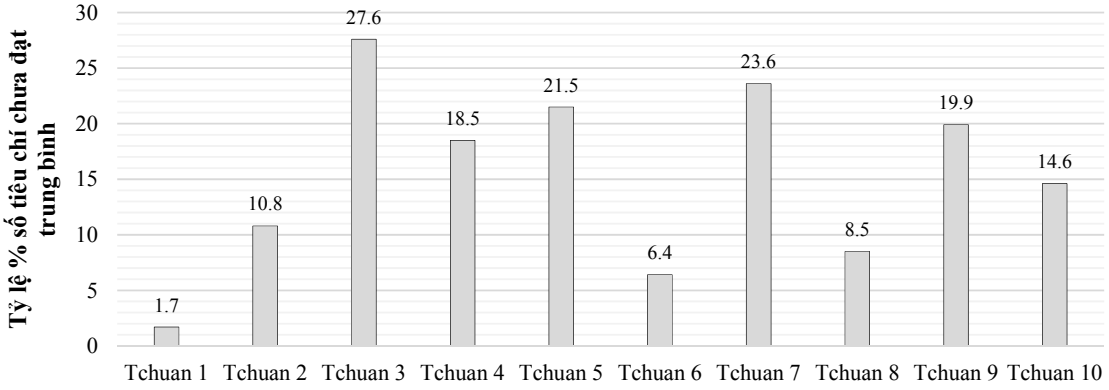

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả trên cơ sở dữ liệu được tác giả xây dựng từ 117 nghị quyết của các hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục.

3.1. Các tiêu chuẩn yếu nhất của các trường đại học Việt Nam

10 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục phản ánh quản trị đại học theo từng chức năng của một trường. Mỗi tiêu chuẩn có từ 2 – 9 tiêu chí.

Từ hình 2, có thể thấy rằng ba tiêu chuẩn yếu nhất của các trường đại học là: Tiêu chuẩn 3, tiêu chuẩn 7 và tiêu chuẩn 5. Tiêu chuẩn 3 (Chương trình đào tạo) có tỷ lệ phần trăm các tiêu chí chưa đạt cao nhất với 27,6%; Tiêu chuẩn 7 (Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ) đứng thứ hai với 23,6% và cuối cùng là tiêu chuẩn 5 (Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên) với 21,5%.

Ba tiêu chuẩn được các trường thực hiện tốt nhất là Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 6 (Người học) và tiêu chuẩn 8 (Hợp tác quốc tế). Các tiêu chuẩn này có tỷ lệ các tiêu chí chưa đạt nhỏ hơn 10%.

Bằng cách phân tích 117 nghị quyết của các hội đồng kiểm định và 37 báo cáo đánh giá ngoài, tác giả rút ra các lý do chung, giải thích vì sao nhiều trường có tỷ lệ tiêu chí chưa đạt ở mức cao như sau:

Với Tiêu chuẩn 3, lý do các trường có tỷ lệ cao các tiêu chí chưa đạt là các chương trình đào tạo khi xây dựng mới/bổ sung chưa khảo sát thị trường, chưa tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến của các trường trong và ngoài nước, chưa có chuẩn

Hình 3: Tiêu chí và tỷ lệ phần trăm chưa đạt

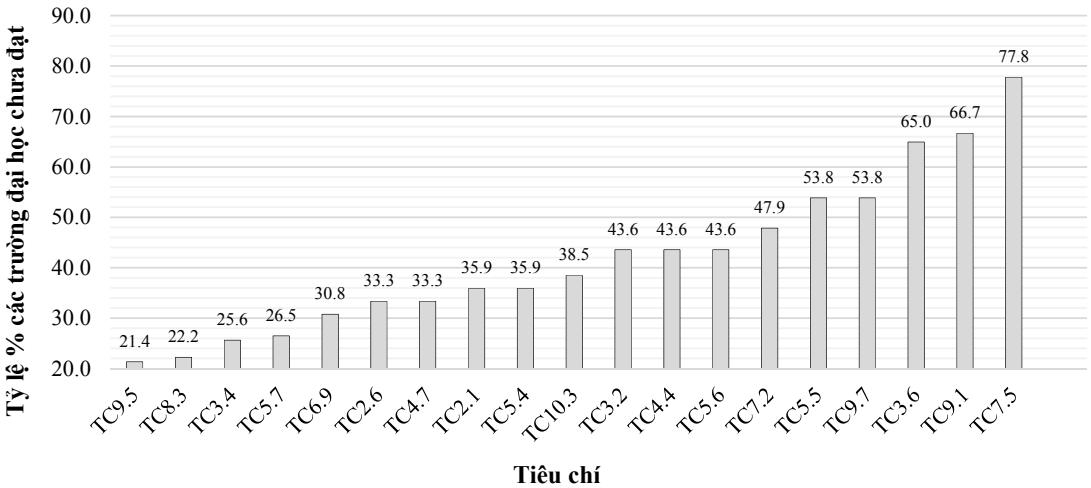

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả trên cơ sở dữ liệu được tác giả xây dựng từ 117 Nghị quyết của các Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục.

Hình 4: Tỷ lệ % các tiêu chí chưa đạt của Tiêu chuẩn 2

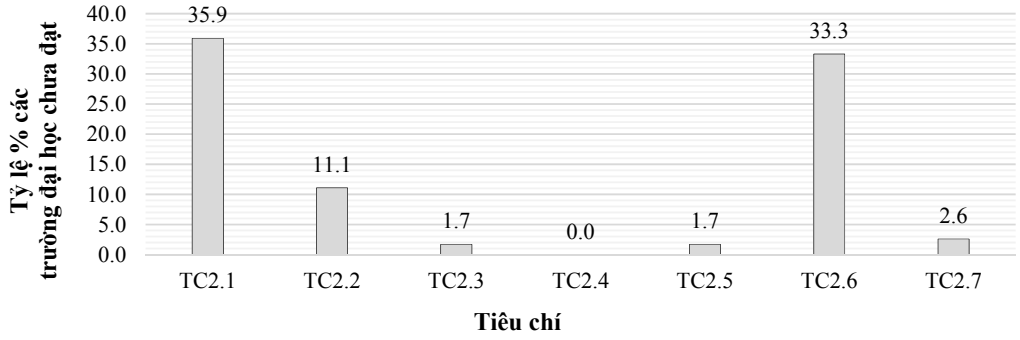

đầu ra, chuẩn đầu ra về ngoại ngữ chưa đáp ứng quy định, chưa định kỳ đổi mới chương trình đào tạo, chưa đánh giá chương trình đào tạo.

Với Tiêu chuẩn 7, lý do các trường chưa có nhiều công bố khoa học, chưa có số đề tài nghiên cứu, triển khai ứng dụng, chuyển giao công nghệ phù hợp với quy định và năng lực của trường, chưa đầu tư cho nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên theo quy định.

Với tiêu chuẩn 5, vấn đề thiếu cán bộ (cấp phòng, khoa, bộ môn) dẫn đến bổ nhiệm cán bộ không phù hợp với nhiệm vụ được giao, tỷ lệ sinh viên/giảng viên cao, cơ cấu đội ngũ cán bộ chưa phù hợp về tuổi đời, tuổi nghề,… là nguyên nhân chính khiến tỷ lệ đạt thấp.

Các lý do cụ thể hơn sẽ được trình bày trong phần tiếp theo.

3.2. 19 tiêu chí yếu của các trường đại học Việt Nam

Trong tổng số 61 tiêu chí, có 9 tiêu chí mà tất cả các trường đại học đều đạt; các tiêu chí còn lại, mỗi tiêu chí có ít nhất một trường chưa đạt. Tiêu chí có nhiều trường đại học chưa đạt nhất (77,8%) là Tiêu chí 7.5. Trung bình có 16,4% tiêu chí chưa đạt chuẩn/trường đại học.

Hình 3 cho thấy những tiêu chí có nhiều trường chưa đạt, trong đó mỗi tiêu chí có ít nhất 21,4% các trường chưa đạt. Mỗi tiêu chí là một mảng công việc của một trường đại học; tiêu chí có nhiều trường chưa đạt là điểm yếu của hệ thống.

3.2.1. Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và Quản lý

Tiêu chuẩn 2 có 7 tiêu chí đánh giá về mặt tổ chức và quản lý của trường đại học. Tiêu chí TC2.1 và TC2.6 có tỷ lệ các trường chưa đạt lần lượt là 35,9% và 33,3%.

Tiêu chí 2.1: Đánh giá cơ cấu tổ chức của trường đại học theo điều lệ trường đại học và các quy định pháp luật khác có liên quan, được cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của trường. Về mặt nội hàm, các trường đại học phải có cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định pháp luật và cơ cấu tổ chức này phải được văn bản hóa. 3 nhóm lý do dẫn đến 35,9% số trường chưa đạt tiêu chí này là:

i.Trường đại học công lập chưa có Hội đồng Trường. Nguyên nhân là do sự chậm trễ trong phê duyệt của cơ quan chủ quản cấp trên. Đối với các trường tư thục, lý do là thành viên của hội đồng quản trị chưa phù hợp với quy định;

ii.Nhiều trường đại học chưa có quy chế tổ chức hoạt động hoặc có nhưng cơ quan chủ quản chưa phê duyệt hoặc có nhưng chưa được cập nhật. Nhiều trường đại học có cơ cấu tổ chức tại thời điểm đánh giá khác với quy chế tổ chức hiện hành; chưa quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và mối quan hệ của các đơn vị này;

iii.Một số trường đại học có nhiều đầu mối thực hiện cùng một chức năng cho một đối tượng. Trường chưa xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các đầu mối, nên về tổng thể trường quản lý chưa tốt đối tượng này.

Tiêu chí 2.6: Đánh giá về các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của trường đại học và nhà trường có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của mình như thế nào. 3 nhóm lý do chủ yếu làm cho 33,3% số trường không đạt tiêu chí này là:

i.Chưa có chiến lược và kế hoạch phát triển dài hạn. Nhiều trường đại học sử dụng nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng bộ, coi đó là chiến lược phát triển dài hạn. Nhiều trường có chiến lược và kế hoạch

phát triển trong 5 năm, nhưng không có kế hoạch trung hạn và hàng năm nhằm đạt được kế hoạch 5 năm;

ii.Các kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm chưa bao gồm các kế hoạch theo các lĩnh vực như đào tạo, nghiên cứu khoa học cùng kế hoạch đầu tư các nguồn lực đảm bảo cho các kế hoạch, các hoạt động này;

iii.Trong quá trình thực hiện, các trường chưa xây dựng được hệ thống chỉ tiêu và định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện đúng kế hoạch và kịp thời điều chỉnh kế hoạch phù hợp với thực tế phát triển của trường.

3.2.2. Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo.

Tiêu chuẩn này đánh giá quản trị của trường đại học về 6 nội dung từ xây dựng chương trình đào tạo (chương trình đào tạo), chuẩn đầu ra (chuẩn đầu ra), kết cấu chương trình đào tạo, đổi mới chương trình đào tạo và đánh giá chương trình đào tạo. Tiêu chuẩn 3 là tiêu chuẩn mà không có trường đại học nào đạt tất cả các tiêu chí. Tiêu chí 3.2, Tiêu chí 3.4 và Tiêu chí 3.6 có tỷ lệ các trường đại học chưa đạt lần lượt là 43,6%, 25,6% và 65%.

Tiêu chí 3.2: Yêu cầu chương trình đào tạo có mục tiêu đào tạo rõ ràng, cụ thể, có kết cấu hợp lý, hệ thống đáp ứng chuẩn đầu ra, và đáp ứng linh hoạt nhu cầu của thị trường. Để đạt được tiêu chí này, các trường đại học đạt được 5 mốc chuẩn. Các lý do để 43,6% các trường đại học chưa đạt tiêu chí này bao gồm:

i.*Chuẩn đầu ra*: Còn phân biệt giữa các hình thức đào tạo (hình thức đào tạo chính quy, đào tạo vừa làm vừa học), chưa liên kết giữa mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo, chưa đảm bảo đo lường và đánh giá được, chưa được công khai hóa. Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ còn thấp hơn so với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

ii.*Chương trình đào tạo*: Trường đại học chưa cụ thể hóa văn bản về kết cấu chương trình đào tạo dẫn đến các chương trình đào tạo có kết cấu rất khác nhau (mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, tỷ lệ các khối kiến thức, tỷ lệ các học phần tự chọn…). Chương trình đào tạo cho hình thức vừa làm vừa học khác biệt nhiều với hình thức đào tạo chính quy (học phần, cách đánh giá học phần, tổ chức đào tạo);

iii.*Tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến trong và ngoài nước*: Còn rất hạn chế. Nếu có thì việc tham khảo mới dừng lại ở mức xem xét các chương trình đào tạo tham khảo có những học phần gì; việc đối chiếu so sánh, bám sát mục tiêu đào tạo ít được đề cập. Minh chứng cho tham khảo chương trình đào tạo ở nhiều trường đại học chỉ là các đường dẫn trên internet. Chương trình đào tạo chưa được công khai hóa;

iv.Hệ thống đề cương học phần: Trường đại học chưa cụ thể hóa văn bản về đề cương chi tiết học phần, nên một số yếu tố cấu thành của đề cương không có (thẩm quyền phê duyệt đề cương, phân bổ thời gian cho lý thuyết và thực hành, hình thức kiểm tra đánh giá, tài liệu tham khảo...). Hệ thống đề cương chưa được công khai hóa; người học chưa được phổ biến đề cương một cách đầy đủ và rõ ràng, nhất là đối với người học theo hình thức vừa làm vừa học, người học sau đại học. Giáo trình và tài liệu

Hình 5: Tỷ lệ % các tiêu chí chưa đạt của Tiêu chuẩn 3

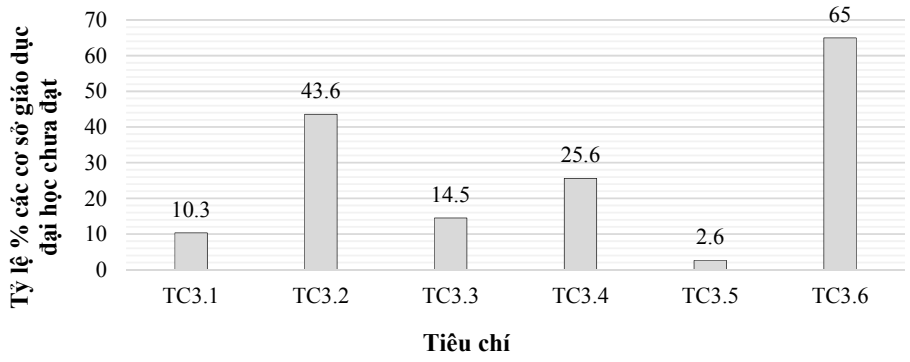

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả trên cơ sở dữ liệu được tác giả xây dựng từ 117 nghị quyết của các hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục.

Hình 6: Tỷ lệ % các tiêu chí chưa đạt của Tiêu chuẩn 4

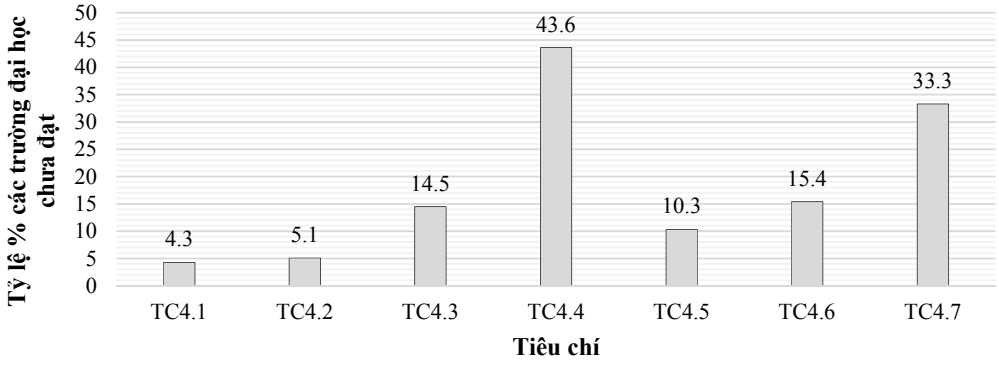

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả trên cơ sở dữ liệu được tác giả xây dựng từ 117 Nghị quyết của các Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục.

tham khảo chưa đầy đủ;

*v.Việc tham khảo ý kiến của các bên liên quan để x*ây dựng *chương trình đào tạo* và *chuẩn đầu ra*: Yêu cầu này phần lớn các trường đại học thực hiện chưa tốt. Các trường dựa trên kinh nghiệm để xây dựng chương trình đào tạo; việc tham khảo bài bản tìm ra chuẩn về kiến thức, về kỹ năng của người học cần phải có khi hoàn thành chương trình đào tạo để thiết kế các học phần, nội dung của học phần chưa được chú ý. Vấn đề đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động chưa được xem trọng.

Tiêu chí 3.4: Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế và tham khảo ý kiến của các bên liên quan. 25,6% số trường đại học chưa đạt tiêu chí này. 3 nhóm nguyên chủ yếu là:

i.Không tham khảo hoặc tham khảo rất ít các chương trình đào tạo tiên tiến trong và ngoài nước. Nếu có tham khảo mới tham khảo về học phần, không có phân tích đối chiếu, so sánh các chương trình đào tạo của trường với các chương trình đào tạo khác;

ii.Việc lấy ý kiến của các bên liên quan (nhà tuyển dụng lao động, các hiệp hội xã hội – nghề nghiệp, người học đã tốt nghiệp) rất hạn chế. Thông tin từ việc thu thập ý kiến nhiều trường hợp không có tính đại diện do số người/tổ chức được hỏi ý kiến quá ít. Việc khảo sát để rút ra đề xuất nhằm xây dựng, đổi mới chương trình đào tạo còn rất hạn chế, mới dừng ở con số thống kế, nhận xét dựa trên kết quả khảo sát. Việc khảo sát các đối tượng liên quan chưa thực hiện theo ngành;

iii.Trường đại học thiết kế bảng hỏi, thiết kế nội dung phỏng vấn thiếu tính chuyên nghiệp, chưa phù hợp với từng đối tượng khảo sát; không có phần mềm phân tích thống kê cùng cán bộ xử lý kết quả phân tích.

Tiêu chí 3.6: Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá. Để đạt được tiêu chí này, các trường đại học cần phải vượt qua 3 yêu cầu: trong 5 năm ít nhất một lần đánh giá chương trình đào tạo (tự đánh giá/đánh giá đồng cấp/kiểm định chương trình đào tạo); các trường có giải pháp cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá và các cơ sở đào tạo có biện pháp và thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo dựa trên ý kiến của các bên liên quan. Có tới 65% các trường chưa đạt tiêu chí này với các lý do chủ yếu là không thực hiện định kỳ đánh giá chương trình đào tạo bằng cách tự đánh giá hoặc đánh giá đồng cấp hoặc kiểm định chất lượng. Rất nhiều trường chưa biết được việc đánh giá chương trình đào tạo là kiểm định chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc kiểm định chương trình đào tạo do nước ngoài thực hiện.

3.2.3. Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo

Tiêu chuẩn này đánh giá quản trị của trường đại học về hoạt động đào tạo. Tiêu chuẩn yêu cầu trường đại học phải đa dạng hóa các hình thức đào tạo, tổ chức đào tạo theo tín chỉ, có phương pháp hợp lý đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên; đánh giá kết quả học tập của người học khách quan, công bằng, chính xác; đánh giá chất lượng đào tạo đối với

người học sau khi ra trường.

Trong 7 tiêu chí, có 5 tiêu chí dưới 20% các trường đại học chưa đạt, và Tiêu chí 4.4 có 43,6% và Tiêu chí 4.7 có 33,3% số trường đại học chưa đạt (Hình 6).

Tiêu chí 4.4: Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề. Tiêu chí này có 3 mốc để đánh giá tiêu chí đạt hay chưa đạt. Có tới 43,6% trường đại học chưa đạt tiêu chí này với các lý do chủ yếu:

i.Trường đại học chưa có quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi. Công tác làm đề thi còn chưa được quản lý chặt chẽ, có không ít học phần do giảng viên tự ra đề thi. Đáp án chưa nộp cùng đề thi. Công tác tổ chức thi, quản lý chấm thi còn do nhiều đầu mối thực hiện;

ii.Công tác giám sát chấm thi và hậu kiểm hầu như chưa được thực hiện, số lượng bài phúc khảo nhiều (có trường đại học tỷ lệ thay đổi điểm thi đối với các trường hợp phúc khảo khá cao, dao động từ 42,4% đến 49,6%);

iii.Việc xây dựng câu hỏi thi và ngân hàng câu hỏi chưa vận dụng khoa học đo lường đánh giá để định lượng phân tích các câu hỏi thi nên chất lượng câu hỏi chưa tốt, phổ điểm kết quả học tập bị lệch.

Tiêu chí 4.7: Về đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội. Để đạt được tiêu chí này, trường đại học thực hiện đầy đủ 3 yêu cầu: thực hiện đánh giá chất lượng người học sau khi ra trường hằng năm thông qua ý kiến phản hồi của người học đã tốt nghiệp và của đơn vị sử dụng lao động; triển khai điều chỉnh hoạt động đào tạo dựa trên các thông tin phản hồi và lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp phải được thực hiện theo ngành có người học tốt nghiệp. 33,3% trường đại học chưa đạt tiêu chí này. 4 nhóm nguyên nhân chủ yếu là:

i.Không khảo sát người học sau khi tốt nghiệp hoặc có khảo sát nhưng chỉ có số lượng rất nhỏ người tốt nghiệp trả lời phiếu khảo sát. Do vậy kết quả khảo sát thiếu thông tin hoặc thông tin thiếu độ tin cậy;

ii.Việc khảo sát chưa được thực hiện theo ngành có người học tốt nghiệp;

iii.Nội dung các bảng hỏi/phỏng vấn chưa đáp ứng nhu cầu thu thập thông tin để đánh giá chất lượng đào tạo của người học sau tốt nghiệp; Chưa chú ý tới việc xây dựng cơ sở dữ liệu, phân tích dữ liệu để phục vụ mục tiêu lâu dài;

iv.Báo cáo kết quả khảo sát chưa đưa ra các kiến nghị cụ thể và triển khai thực hiện để điều chỉnh hoạt động đào tạo.

3.2.4. Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Tiêu chuẩn này đánh giá quản trị của trường đại học về xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên đáp ứng nhiệm vụ của

Hình 7: Tỷ lệ % các tiêu chí chưa đạt của Tiêu chuẩn 5

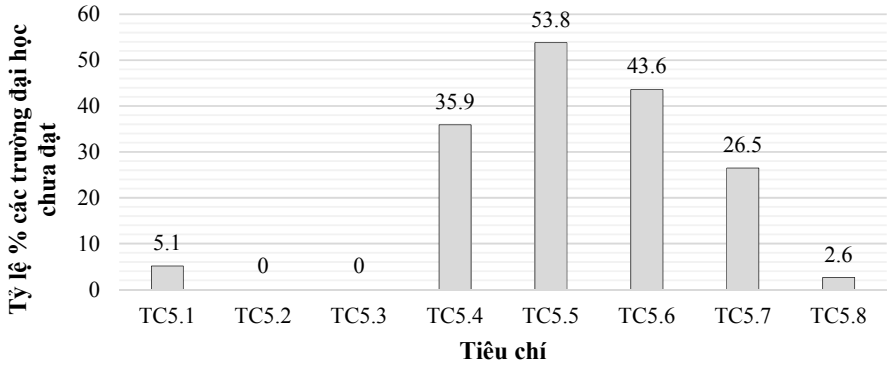

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả trên cơ sở dữ liệu được tác giả xây dựng từ 117 Nghị quyết của các Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục.

trường đại học, phù hợp với sứ mạng tầm nhìn của trường đại học. Tiêu chuẩn này có 8 tiêu chí, trong đó có 2 tiêu chí tất cả các trường đại học đều đạt, 2 tiêu chí có không quá 6% trường đại học chưa đạt. Các tiêu chí còn lại tỷ lệ chưa đạt từ 26,5 – 53,8% (Hình 7).

Tiêu chí 5.4: Tiêu chí này đòi hỏi trường đại học có đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao. 35,9% số trường đại học chưa đạt tiêu chí này với các lý do chủ yếu:

i.Một số cán bộ quản lý của trường đại học không đủ tiêu chuẩn về trình độ theo quy định để đảm nhiệm công tác quản lý (trưởng khoa, trưởng bộ môn có đào tạo ngành/chuyên ngành, trưởng phòng Quản lý đào tạo, trưởng phòng Quản lý khoa học phải có trình độ tiến sỹ);

ii.Việc đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý chỉ được thực hiện vào cuối năm học, đánh giá để khen thưởng. Các trường đại học chưa xây dựng được hệ chỉ số để đánh giá cán bộ quản lý.

Tiêu chí 5.5: đánh giá về lực lượng cán bộ giảng dạy có đáp ứng được yêu cầu về đào tạo và nghiên cứu khoa hay không? Để đạt được tiêu chí này trường đại học phải có đủ giảng viên cơ hữu và tỷ lệ sinh viên/giảng viên đáp ứng yêu cầu của điều kiện đảm bảo chất lượng và giảm dần qua các năm. 53,8% số trường đại học chưa đạt tiêu chí này. Các lý do chủ yếu như sau:

i.Lực lượng cán bộ giảng dạy còn thiếu về số lượng, có trường đại học tỷ lệ giảng viên cơ hữu chỉ có 22,6%, số lượng giờ giảng vượt định mức trên một giảng viên rất lớn;

ii.Có nhiều trường đại học phân công cán bộ giảng dạy có trình độ cử nhân đại học giảng dạy lý thuyết;

iii.Tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi vượt quá quy định cả đào tạo đại học và sau đại học.

Tiêu chí 5.6: Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo; giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học. Tiêu chí 5.6 đòi hỏi trường đại học phải đạt được 4 mốc chuẩn về: trình độ của giảng viên, giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo, cơ cấu của đội ngũ giảng viên phù hợp với nhiệm vụ và giảng viên có trình độ ngoại ngữ và tin học theo quy định. 43,6% số trường đại học chưa đạt được tiêu chí này. Các lý do chủ yếu bao gồm:

i. Trường đại học còn có nhiều giảng viên có trình độ đại học tham gia giảng dạy;

ii. Còn có nhiều giảng viên chưa có chứng chỉ về tin học và ngoại ngữ.

Tiêu chí 5.7: Tiêu chí đánh giá về đảm bảo cân bằng giữa kinh nghiệm công tác và trẻ hóa đội ngũ giảng viên. Tiêu chí yêu cầu đội ngũ cán bộ giảng dạy của trường đại học có cơ cấu hợp lý về thâm niên công tác để đảm bảo giảng dạy, nghiên cứu khoa học; có độ tuổi trung bình giảm dần. 26,5% số trường đại học chưa đạt tiêu chí này do: Đội ngũ giảng viên cơ hữu chưa cân đối về kinh nghiệm công tác, tỷ lệ giảng viên có thâm niên dưới 10 năm chiếm 40%-75%.

3.2.5. Tiêu chuẩn 6: Người học

Tiêu chuẩn 6 đánh giá quyền của người học về tất cả các mặt trong thời gian học tập tại trường đại

Hình 8: Tỷ lệ % các tiêu chí chưa đạt của Tiêu chuẩn 6

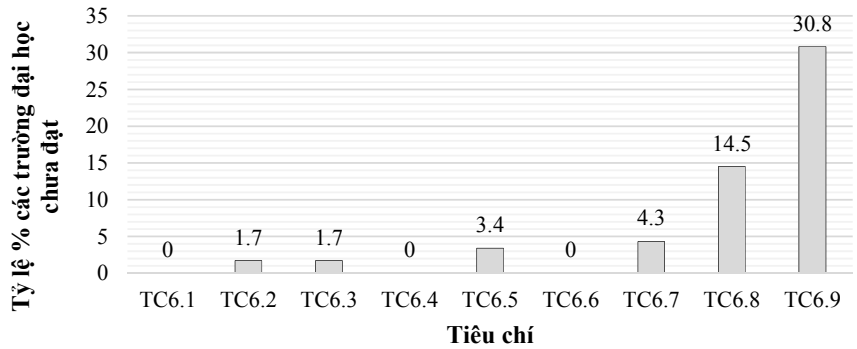

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả trên cơ sở dữ liệu được tác giả xây dựng từ 117 Nghị quyết của các Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục.

Hình 9: Tỷ lệ % các tiêu chí chưa đạt của Tiêu chuẩn 7

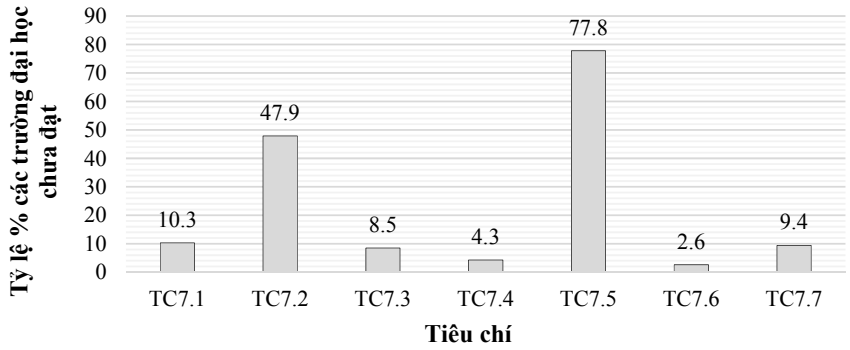

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả trên cơ sở dữ liệu được tác giả xây dựng từ 117 nghị quyết của các hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục.

học, bao gồm quyền được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, về cách đánh giá kết quả học tập, quyền được hưởng các chế độ chính sách, quyền được rèn luyện, phấn đấu toàn diện về văn hóa, thể thao, quyền được nhận xét về hoạt động giảng dạy của giảng viên… Hầu hết các trường đại học đều đạt các tiêu chí của tiêu chuẩn này. Riêng Tiêu chí 6.9 – người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc học phần và đánh giá chất lượng đào tạo trước khi tốt nghiệp – có 30,8% trường đại học chưa đạt tiêu chí này. Lý do chủ yếu là:

i. Trường đại học chưa khảo sát ý kiến người học ở tất cả các lớp học phần, tất cả các kỳ học, tất cả các hình thức đào tạo và các bậc đào tạo;

ii. Phiếu khảo sát chưa bao quát hết các hoạt động giảng dạy của giảng viên, thang đo không phù hợp (3 hay 4 bậc);

iii. Kết quả khảo sát chưa chuyển tải đến giảng viên, lãnh đạo các cấp có liên quan, chưa theo dõi được quá trình cải tiến của giảng viên qua các năm; các trường hợp có kết quả đánh giá thấp chưa được chú ý giúp đỡ.

3.2.6. Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Tiêu chuẩn này đánh giá về quản trị và kết quả nghiên cứu khoa học (nghiên cứu khoa học), ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ gắn với sứ mạng, tầm nhìn của trừng đại học. Tiêu chuẩn bao gồm: xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, đánh giá kết quả; đóng góp về mặt học thuật (các bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành, tạp chí quốc tế), đóng góp về mặt thực tiễn (chuyển giao công nghệ, ứng dụng thực tiễn); tác dụng của nghiên cứu đối với trường đại học về mặt đào tạo, về tài chính… Trong 7 tiêu chí, Tiêu chí 7.2 và Tiêu chí 7.5 có tỷ lệ các trường đại học chưa đạt yêu cầu lớn; các tiêu chí khác có không quá 10% trường đại học chưa đạt.

Tiêu chí 7.2: Các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch. 47,9 % các trường đại học chưa đạt tiêu chí này. Nguyên nhân chủ yếu là:

i. Số đề tài quá hạn chiếm tỷ lệ cao;

ii. Tỷ lệ đề tài nghiên cứu khoa học/giảng viên quá thấp.

Tiêu chí 7.5: Tiêu chí này yêu cầu trường đại học phải đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí dành cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Tiêu chí này có 77,8% trường đại học chưa đạt và là tiêu chí có tỷ lệ trường đại học chưa đạt nhiều nhất trong 61 tiêu chí. Nguyên nhân chủ yếu là:

i. Trường đại học chưa trích đủ kinh phí từ nguồn thu hợp pháp của trường đại học cho nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

ii. Trường đại học chưa trích đủ kinh phí từ học phí cho nghiên cứu khoa học của sinh viên;

iii. Không cân đối được chi và thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

3.2.7. Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế

Tiêu chuẩn 8 đánh giá trường đại học về hoạt động hợp tác quốc tế theo 3 tiêu chí về: đảm báo tuân thủ các quy định về hợp tác quốc tế, hiệu quả của hợp tác quốc tế trong đào tạo và hiệu quả của hợp tác

Hình 10: Tỷ lệ % các tiêu chí chưa đạt của Tiêu chuẩn 9

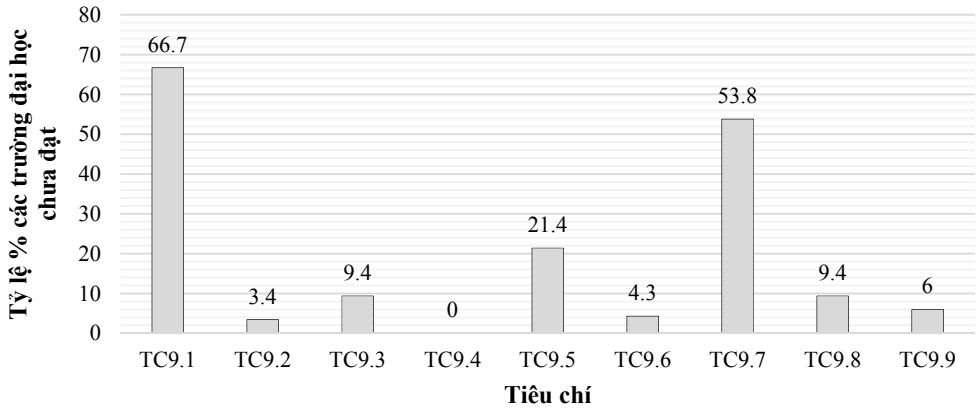

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả trên cơ sở dữ liệu được tác giả xây dựng từ 117 Nghị quyết của các Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục.

quốc tế trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Trong các tiêu chí này, Tiêu chí 8.3 về hiệu quả của hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có 22,2% các trường đại học chưa đạt. Các lý do chủ yếu là:

i. Trường đại học chưa có các chương trình, dự án nghiên cứu khoa học hợp tác với nước ngoài. Các thỏa thuận hợp tác nghiên cứu chủ yếu mới dừng ở bản ghi nhớ. Cũng vì lý do trên nên các đề tài khoa học được ứng dụng, chuyển giao công nghệ hầu như không có;

ii. Các hội nghị khoa học, hội thảo với sự tham gia/ đồng tổ chưca của đối tác nước ngoài còn rất khiêm tốn;

iii. Một số công bố quốc tế chung giữa các giảng viên của cơ sở giáo dục với các học giả nước ngoài nhưng không ghi tên của trường đại học.

3.2.8. Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Tiêu chuẩn này đánh giá cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập của sinh viên. Tiêu chuẩn có 9 tiêu chí, trong đó 3 tiêu chí có tỷ lệ trường đại học chưa đạt từ 21,4% đến 66,7%. Tất cả các trường đại học đều đạt Tiêu chí 9.4 về các thiết bị tin học phục vụ cho việc dạy và học, nghiên cứu khoa học. Các tiêu chí khác có tỷ lệ trường đại học chưa đạt đều ở mức từ 10% trở xuống.

Tiêu chí 9.1: Tiêu chí này yêu cầu trường đại học phải có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu của sinh viên, giảng viên, cán bộ nghiên cứu; có thư viện điện tử kết nối mạng; 66,7% trường đại học chưa đạt tiêu chí này. Các lý do tiêu chí chưa đạt là:

i. Trường thiếu giáo trình, sách tham khảo bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập. Rất nhiều học liệu quá cũ, trường đại học chưa đầu tư thích đáng cho công tác giáo trình học liệu; chưa thực hiện đầy đủ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác giáo trình;

ii. Việc kết nối với thư viện điện tử trong và ngoài nước còn yếu, dung lượng đường truyền không cao nên khó khăn trong tra cứu, tìm kiếm tài liệu. Hệ thống tin học phục vụ tra cứu thư mục còn yếu, không theo dõi được số người truy cập;

iii. Người học ít sử dụng thư viện và thư viện điện tử, kỹ năng tra cứu yếu. Thư viện không lấy ý kiến về sự hài lòng của người sử dụng.

Tiêu chí 9.5: Tiêu chí này yêu cầu về diện tích lớp học, ký túc xá, trang bị và sân bãi cho hoạt động văn hóa, nghệ thuật và thể thao. Tiêu chí 9.5 có 5 mốc, yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học phải đảm bảo. 21,4% các trường đại họcchưa đạt tiêu chí này, lý do chủ yếu là:

i. Trường đại học chưa có ký túc xá cho người học hoặc có chỗ ở cho người học bằng cách ký hợp đồng thuê ký túc xá của đơn vị khác;

ii. Trường đại họckhông có sân bóng đá, không có khu vực thể dục thể thao riêng phải thuê ngoài cho việc luyện tập thể dục thể thao, sinh hoạt văn hóa,

văn nghệ của người học.

Tiêu chí 9.7: Về diện tích sử dụng đất và mặt bằng tổng thể. 53,8% trường đại họcchưa đạt tiêu chí này. Lý do tiêu chí này chưa đạt do trường đại họcchưa đủ diện tích tại trụ sở chính và diện tích mặt bằng xây dựng tổng thế không đủ theo quy định.

*3.2.9. Tiêu chuẩn 10: Về t*ài chính và quản trị tài chính

Tiêu chuẩn này đòi hỏi trường đại học có kế hoạch, giải pháp tạo ra nguồn thu hợp pháp, phân bố và sử dụng nguồn tài chính một cách minh bạch hiệu quả phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tiêu chuẩn này gồm 3 tiêu chí, Tiêu chí 10.3 có 33,6% trường đại học chưa đạt. Tiêu chí 10.3 yêu cầu trường đại học phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học. Lý do Tiêu chí này chưa đạt là: Phân bổ kinh phí chưa hợp lý, trong đó chi cho nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và cho người học còn thấp hơn nhiều so với quy định, chi đầu tư cho thư viện, hệ thống công nghệ thông tin còn thấp; chi cho hoạt động hợp tác quốc tế chưa hợp lý. Kế hoạch công tác chưa đi kèm kế hoạch tài chính.

4. Một số kiến nghị

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần nghiên cứu 9 tiêu chí mà tất cả các trường đều đạt và các tiêu chí có tỷ lệ các trường chưa đạt nhỏ hơn 5% để tìm ra lời giải thích. Phải chăng yêu cầu của các tiêu chí này thấp hoặc các tiêu chí mang tính chất định tính dẫn đến khó đánh giá? Đối với các tiêu chí mà trên 50% các trường chưa đạt (TC7.2, TC9.7, TC3.6, TC9.1 và TC7.5), Bộ Giáo dục và Đào tạo nên rà soát các mốc chuẩn và các văn bản quy định khác có liên quan để kiểm định chất lượng giáo dục là một công cụ khách quan hơn.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tổng kết công tác kiểm định chất lượng giáo dục, với các các tiêu chuẩn có kết quả kiểm định xấu, cần có các chính sách/quy định để các trường tích cực điều chỉnh các hoạt động, khắc phục yếu kém của trường, từ đó toàn hệ thống sẽ tốt hơn.

Đối với các trường đại học, việc hình thành văn hóa chất lượng, nâng cao chất lượng giáo dục của trường quá trình lâu dài, không có điểm dừng. Về mặt nhận thức, các trường cần phải coi hoạt động đảm bảo chất lượng là hoạt động trung tâm để quản trị trường, là hoạt động cho chính mình. Nhờ đó, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, vị thế của trường mới được nâng cao. Qua quá trình kiểm định chất lượng giáo dục, đó đây, khâu công việc nào đó ở một số trường đại học thực hiện như không phải cho lợi ích của chính mình, thực hiện mang tính đối phó.

Về mặt quản lý, đối với các trường đã được kiểm định chất lượng, cần căn cứ vào báo cáo đánh giá ngoài và các khuyến nghị của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục để xây dựng chương trình hành động cải tiến chất lượng giáo dục của cơ sở mình. Những tồn tại 3 tiêu chuẩn, 19 tiêu chí đã nêu ở trên cũng là những điểm nên tham khảo trong quá trình xây dựng chương trình cải tiến và chuẩn bị cho đánh giá giữa kỳ, cho chu kỳ kiểm định chất lượng tiếp sau. Đối với các trường đại học chưa kiểm định chất lượng nên tham khảo để kiểm tra, điều chỉnh lại các hoạt động, rút kinh nghiệm và chuẩn bị kiểm định chất lượng theo Bộ tiêu chí mới.

Đối với các Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, Báo cáo đánh giá ngoài nên được viết thống nhất giữa các tiêu chí về mức độ chi tiết, nhất là những tồn tại để giúp các trường đại học có thể nghiên cứu kỹ, điều chỉnh hoạt động của mình, có như vậy mới phát huy được tối đa giá trị của đánh giá ngoài.

Tài liệu tham khảo:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT, ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Quyết định số 06/VBHN-BGDĐT, ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học, ban hành ngày 4 tháng 3 năm 2014.